

Số: /QĐ-VKHTCNN&LĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách nhà nước
năm 2025 của Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC
TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC VÀ LAO ĐỘNG**

Căn cứ vào Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-BNV ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động;

Căn cứ Quyết định số 1057/QĐ-BNV ngày 17/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao dự toán bổ sung ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung ngân sách nhà nước năm 2025 cho Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Viện, viên chức trong Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Điều 3;
- Đăng website VKHTCNN&LĐ;
- Lưu: VT, VP.

VIỆN TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính

Đơn vị: Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động

Chương: 035

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKHTCNN&LD ngày / /2025
Của Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.200
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp Khoa học xã hội và nhân văn	2.200
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.200
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

5.1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
6.1	Chi bảo đảm xã hội	
7	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	